



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 15

Ngày 01 tháng 3 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 28-01-2013 - Chỉ thị số 04/2013/CT-UBND tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 30-01-2013 - Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 17
- 19-02-2013 - Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND về cấm và hạn chế xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh lưu thông trong khu vực nội đô và trên một số tuyến đường thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 28

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

- 06-02-2013 - Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 7. 32

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 06-02-2013 - Quyết định số 699/QĐ-UBND ban hành danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và cho phép đỗ xe dưới lòng đường có thu phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 41
- 06-02-2013 - Quyết định số 700/QĐ-UBND ban hành danh mục các tuyến đường cấm đỗ xe trên địa bàn quận 1, quận 3. 55

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

- 30-01-2013 - Quyết định số 206/QĐ-UBND về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành. 70

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

- 31-01-2013 - Quyết định số 49/QĐ-UBND về công bố văn bản hết hiệu lực. 73

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2013/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2013

CHỈ THỊ

**Tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung trong các
công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Sử dụng vật liệu xây không nung (VLXKN) thay thế gạch đất sét nung truyền thống là một xu hướng phát triển tất yếu do loại sản phẩm này có nhiều yếu tố vượt trội như sau: không dùng nguyên liệu đất sét để sản xuất (hạn chế việc khai thác đất sét từ đất nông nghiệp làm giảm diện tích sản xuất cây lương thực, đe dọa về an ninh lương thực quốc gia); có thể tận dụng phế thải công nghiệp, tiết kiệm nhiên liệu nung (như than, củi, dầu DO), góp phần bảo vệ môi trường; có khả năng cách âm, cách nhiệt, chịu nhiệt tốt, bền, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm thời gian thi công; thiết kế tính toán sử dụng loại gạch nhẹ có tỷ trọng thấp để xây dựng công trình, tiết kiệm được chi phí xây dựng công trình...

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2010 phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 và Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2012 về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung. Ủy ban nhân dân thành phố cũng đã ban hành Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2011 về duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, đã định hướng phát triển vật liệu xây không nung để thay thế gạch đất sét nung truyền thống, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công đã chấm dứt hoạt động trên địa bàn thành phố.

Mặc dù đạt được một số kết quả nhất định, nhưng đến nay tình hình triển khai Chương trình phát triển vật liệu xây không nung vẫn còn nhiều bất cập, vật liệu xây không nung chưa được ứng dụng rộng rãi do nhiều nguyên nhân: thói quen dùng gạch nung của người tiêu dùng; giá thành sản phẩm gạch không nung còn cao so với gạch đất sét nung (do việc thu thuế tài nguyên đối với việc khai thác đất sét còn quá thấp); đội ngũ công nhân có tay nghề, sử dụng thành thạo các công cụ chuyên dùng khi thi công các sản phẩm vật liệu xây không nung còn thiếu; các đơn vị sản xuất vật liệu xây không nung chưa tiếp cận được với các chính sách ưu đãi trong đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây không nung, chưa mạnh dạn đầu tư sản xuất hết công suất); các nhà đầu tư chưa quan tâm đến việc sử dụng vật liệu mới trong công trình xây dựng, kể cả các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước,...

Nhằm đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển vật liệu xây không nung và triển khai thực hiện Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm túc các nội dung sau đây:

1. Sở Xây dựng:

Chủ trì, phối hợp với các Sở - ban - ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung sau:

1.1. Về sản xuất vật liệu xây không nung:

a) Thu hút, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong các khu công nghiệp, sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường, để sản xuất các loại vật liệu xây không nung đáp ứng nhu cầu thị trường như: gạch xi măng - cốt liệu, vật liệu nhẹ (gạch bê tông khí chung áp, gạch bê tông khí không chung áp, gạch bê tông bọt, tấm panel từ bê tông khí chung áp), tấm tường thạch cao, tấm 3D; đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu cho nhiều loại công trình xây dựng.

b) Định hướng các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây không nung trong việc:

- Ưu tiên đầu tư các thiết bị, công nghệ sản xuất trong nước nhưng các thiết bị, công nghệ lựa chọn phải đảm bảo tiên tiến, phù hợp các quy định về môi trường, tạo ra các sản phẩm đạt chất lượng.

- Thực hiện khoan vùng khu vực để phế thải tận dụng làm nguyên liệu sản xuất, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường theo quy định. Tận dụng tối đa các nguồn phế thải từ các ngành công nghiệp để sản xuất vật liệu xây không nung, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật trong các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (TCVN 6477:2011 Gạch bê tông; TCVN 7959:2011 Bê tông nhẹ - Gạch bê tông khí chung áp (AAC); TCVN 9029:2011 Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chung áp - Yêu cầu kỹ thuật...).

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2004. Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, hạ giá thành và phải bảo đảm các tiêu chuẩn về môi trường trong sản xuất.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật thi công vật liệu xây không nung để nâng cao tính ứng dụng và phổ biến của sản phẩm.

- Quản lý tốt chất lượng vật liệu xây dựng trước khi đưa lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 23 - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Chủ động xây dựng phương án di dời vào các khu công nghiệp của thành phố hoặc đến những địa phương có quy hoạch phù hợp (đối với các cơ sở sản xuất nằm ngoài khu, cụm công nghiệp) theo Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

c) Xây dựng Quy định về quản lý và đầu tư phát triển vật liệu xây dựng (trong đó bao gồm vật liệu xây không nung) trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân các thủ tục về lập dự án đầu tư và quản lý đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung theo quy định; đồng thời giới thiệu địa điểm sản xuất phù hợp tại các khu công nghiệp của thành phố (theo Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố) hoặc tại các địa phương khác (theo Chương trình hợp tác, liên kết với các địa phương lân cận) để các tổ chức, cá nhân thuận lợi trong việc lựa chọn, phát triển đầu tư.

1.2. Về kinh doanh vật liệu xây dựng:

a) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh, mở rộng mạng lưới phân phối, tiếp thị các loại vật liệu xây không nung theo định hướng của Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

b) Đảm bảo địa điểm kinh doanh, bày bán phải phù hợp với Quy định của Ủy

ban nhân dân các quận - huyện về khu vực, đường phố, địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi đổ phế thải vật liệu xây dựng; tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định về thương mại.

1.3. Về sử dụng vật liệu xây không nung:

a) Phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng công trình (bao gồm: người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu tư vấn giám sát, nhà thầu thi công xây dựng; các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quản lý đầu tư xây dựng công trình) tuân thủ việc sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng theo quy định:

- Các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước theo quy định hiện hành phải sử dụng 100% vật liệu xây không nung kể từ ngày Thông tư số 09/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng có hiệu lực thi hành (ngày 15 tháng 01 năm 2013).

- Các công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên không phân biệt nguồn vốn, từ ngày Thông tư số 09/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng có hiệu lực thi hành đến năm 2015 phải sử dụng tối thiểu 30% và sau năm 2015 phải sử dụng tối thiểu 50% vật liệu xây không nung loại nhẹ (khối lượng thể tích không lớn hơn 1000kg/m^3) trong tổng số vật liệu xây (tính theo thể tích khối xây).

b) Các công trình đã được cấp phép xây dựng hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật trước ngày 15 tháng 01 năm 2013 thì thực hiện như giấy phép đã được cấp hoặc quyết định đã được phê duyệt; khuyến khích chủ đầu tư thay đổi thiết kế để sử dụng vật liệu xây không nung. Trường hợp vượt quá thời gian thực hiện dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt, hoặc sau 12 tháng kể từ ngày được cấp phép xây dựng mà chưa thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải tổ chức thực hiện việc sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình theo tỷ lệ quy định của Thông tư số 09/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

c) Khuyến khích các công trình xây dựng không phân biệt nguồn vốn, không phân biệt số tầng sử dụng vật liệu xây không nung có độ rỗng lớn hơn 30% và vật liệu xây không nung loại nhẹ.

d) Tổ chức quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước và các công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên trên địa bàn thành phố theo nội dung tại Điều a Khoản 1.3 Chỉ thị này.

1.4. Xây dựng và công bố đơn giá xây dựng công trình sử dụng vật liệu xây không nung trên cơ sở định mức Bộ Xây dựng đã ban hành để các chủ đầu tư và đơn vị tư vấn tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố.

1.5. Phối hợp với Sở Công Thương và Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và triển khai các chương trình xúc tiến thương mại và đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung; chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung.

1.6. Xem xét, chấp thuận việc cho phép không sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình có yêu cầu đặc thù không sử dụng vật liệu xây không nung, thuộc thẩm quyền xem xét chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại Điểm d Khoản 7 Điều 4 Thông tư số 09/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

1.7. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây không nung.

1.8. Quy định chi tiết trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây không nung phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương; tổ chức xem xét, đánh giá, xác nhận năng lực theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ (hiện nay là Thông tư số 09/2009/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009) để chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

1.9. Định kỳ hàng năm rà soát, đánh giá tình hình đầu tư sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung của các tổ chức, cá nhân; báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố theo Thông tư số 06/2012/TT-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo tổng kê tổng hợp ngành xây dựng; đề xuất khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt trong việc tham gia thực hiện Chương trình phát triển vật liệu xây không nung trên địa bàn thành phố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức các hoạt động về khoa học công nghệ, giới thiệu các công nghệ sản xuất vật liệu xây không nung tiên tiến, hiện đại đến các nhà đầu tư; hướng dẫn nhà đầu tư lựa chọn dây chuyền, công nghệ đảm bảo

về môi trường, phù hợp với quy mô sản xuất, ưu tiên lựa chọn thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được để từng bước nội địa hóa việc chế tạo thiết bị cho dây chuyền sản xuất vật liệu xây không nung.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung đổi mới công nghệ, đầu tư công nghệ mới, chuyển giao công nghệ, các dự án ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực vật liệu xây không nung, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung được hưởng các ưu đãi của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, áp dụng ưu đãi về chuyển giao công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ và các ưu đãi khác.

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất và nhập khẩu vật liệu xây không nung, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định; đăng ký sở hữu trí tuệ đối với các sáng chế.

d) Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

e) Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ tại Khoản 1 Chỉ thị này.

g) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 hoặc đột xuất để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố về các nội dung:

- Tình hình quản lý về công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng nói chung và vật liệu xây không nung nói riêng, tỷ lệ nội địa hóa trong các dây chuyền sản xuất.

- Các thông tin về chính sách ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực khoa học công nghệ có thể áp dụng trên địa bàn thành phố.

- Tình hình tham gia Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây không nung; chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung về các chính sách và các thủ tục để được nhận hỗ trợ, ưu đãi đầu tư; bao gồm việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình kích cầu theo Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố và chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ

và vừa theo quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng, hoàn chỉnh các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư nhằm khuyến khích phát triển và tạo điều kiện cho các dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung; các dự án sản xuất vật liệu xây không nung.

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển doanh nghiệp sản xuất VLXKN nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố để trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP.

d) Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

e) Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ tại Khoản 1 Chỉ thị này.

g) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 hoặc đột xuất để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố về các nội dung:

- Tình hình thực hiện các dự án đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất vật liệu xây không nung, dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung theo Chương trình kích cầu và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của thành phố.

- Các chính sách ưu đãi đầu tư có thể áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây không nung và chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung để tuyên truyền, phổ biến cho các doanh nghiệp.

4. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở - ban - ngành và các đơn vị có liên quan xây dựng tiêu chí phân loại công trình xanh trên địa bàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, trong đó phải có nội dung đánh giá việc sử dụng vật liệu xây không nung.

b) Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

5. Cục Thống kê thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng hướng dẫn các tổ

chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây không nung, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung các biểu mẫu báo cáo về tình hình sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ Sở Xây dựng trong công tác thu thập, tổng hợp các thông tin thống kê ngành xây dựng trên địa bàn thành phố theo Thông tư số 06/2012/TT-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Xây dựng.

b) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 về giá trị, số lượng sản phẩm, hàng hóa đã sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, tồn kho của các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây không nung, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung trên địa bàn thành phố (số liệu từ tháng 10 năm trước đến hết tháng 10 năm báo cáo) để làm cơ sở xây dựng quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố, đề xuất các chính sách, giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

6. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức quản lý về giá các loại vật liệu xây không nung trên thị trường, không để tình trạng các sản phẩm này trở thành độc quyền của một số nhà cung cấp, đẩy giá tăng cao bất hợp lý.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu xây dựng, hoàn chỉnh các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung và các dự án sản xuất vật liệu xây không nung phát triển.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ tại Khoản 1 Chỉ thị này.

d) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 hoặc đột xuất về các nội dung được giao nhiệm vụ tại Chỉ thị này để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Cục Thuế thành phố:

Hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây không nung; chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung chính sách ưu đãi về thuế: nhập khẩu, thu nhập doanh nghiệp; ưu đãi như đối với các dự án thuộc chương trình cơ khí trọng điểm đối với các dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên theo Điểm 5.1 Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 567/QĐ-TTg.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây không nung thực hiện các quy định về môi trường trong hoạt động sản xuất, quá trình vận chuyển, lưu trữ nhiên liệu, nguyên liệu (đặc biệt là các loại vật liệu tận dụng từ chất thải công nghiệp).

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố cho phép khai thác đất sét làm gạch nung, phải rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận nâng mức phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác đất sét làm gạch nung lên mức tối đa theo Khoản 7 Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

c) Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ tại Khoản 1 Chỉ thị này.

e) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 hoặc đột xuất về các nội dung được giao nhiệm vụ tại Chỉ thị này để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố.

9. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố xây dựng các chương trình xúc tiến thương mại và đầu tư nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây không nung, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung quảng bá sản phẩm, đầu tư sản xuất trên địa bàn các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài.

b) Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ tại Khoản 1 Chỉ thị này.

d) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 hoặc đột xuất về các hoạt động và chương trình xúc tiến đầu tư liên quan đến sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố.

10. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Chủ động phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng xây dựng các chương

trình xúc tiến thương mại và đầu tư nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây không nung, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung quảng bá sản phẩm, đầu tư sản xuất trên địa bàn các tỉnh, thành phố khác.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề về vật liệu xây không nung nhằm tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 trên địa bàn thành phố.

c) Hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp vật liệu xây không nung khảo sát thị trường; tham dự hội chợ, triển lãm, diễn đàn đầu tư trong nước và nước ngoài.

d) Tạo điều kiện, tổ chức trưng bày định kỳ sản phẩm vật liệu xây dựng, trong đó có vật liệu xây không nung tại Phòng trưng bày sản phẩm xuất khẩu của thành phố.

11. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ động, tích cực tuyên truyền, phổ biến và cung cấp thông tin về khuyến khích sản xuất và ưu tiên sử dụng vật liệu xây không nung, đặc biệt là đối với các công trình vốn nhà nước và công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên bắt buộc phải sử dụng vật liệu xây không nung theo Khoản 1 Chỉ thị này: Lập kế hoạch, xây dựng phương án, phát hành tài liệu tuyên truyền đến các trường học (nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học), các Hội nghề nghiệp, các chủ đầu tư, nơi công cộng, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng,...

b) Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

c) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 hoặc đột xuất về các hoạt động tuyên truyền liên quan đến sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố.

12. Sở Giao thông vận tải:

a) Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tuyên truyền, phổ biến và cung cấp thông tin về khuyến khích sản xuất và ưu tiên sử dụng vật liệu xây không nung trên các phương tiện giao thông công cộng.

c) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 hoặc đột xuất về các hoạt động tuyên truyền liên quan đến sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Nghiên cứu đưa vào chương trình giảng dạy đối với ngành xây dựng tại các trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học về vật liệu xây không nung (ưu điểm, tính năng kỹ thuật, kỹ thuật thi công,...) nhằm tạo tiền đề cho việc phổ biến và ứng dụng thuận lợi loại vật liệu này vào công trình xây dựng.

b) Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

c) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 hoặc đột xuất về các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị này để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố.

14. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố:

a) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đảm bảo điều kiện về công nghệ, môi trường và quy mô được đầu tư các nhà máy sản xuất vật liệu xây không nung, chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung trong các khu công nghiệp thành phố theo Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố đến năm 2020.

b) Hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

c) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, năm trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, sản xuất vật liệu xây không nung, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố.

15. Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Thanh tra Xây dựng, Đội Quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, không cho phép đầu tư xây mới hoặc mở rộng các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung; không cho phép sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, lò thủ công cải tiến, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch trên địa bàn thành phố;

không cho phép lưu thông trên thị trường và sử dụng trong các công trình xây dựng của thành phố các sản phẩm, hàng hóa gạch đất sét nung chưa được công bố tiêu chuẩn áp dụng, chất lượng không đảm bảo tiêu chuẩn áp dụng đã công bố.

b) Tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung tại Khoản 1.3 Chỉ thị này đối với công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư hoặc thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Hướng dẫn người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước và công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên không phân biệt nguồn vốn phải sử dụng vật liệu xây không nung theo tỷ lệ tại Khoản 1.3 Chỉ thị này, quy định rõ các nội dung nêu trên trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu các gói thầu thuộc dự án.

d) Tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước và các công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên trên địa bàn theo nội dung tại Khoản 1.3 Chỉ thị này; đồng thời chủ động vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng vật liệu xây không nung kể cả khi tham gia xây dựng công trình không thuộc đối tượng bắt buộc sử dụng vật liệu xây không nung của Thông tư số 09/2012/TT-BXD.

e) Báo cáo định kỳ 06 tháng, năm cho Sở Xây dựng về:

- Danh sách các chủ đầu tư và dự án trên địa bàn có sử dụng vật liệu xây không nung, loại vật liệu xây không nung, số lượng sử dụng và tỷ lệ sử dụng (%) trên tổng số vật liệu xây của công trình, đặc biệt là các đối tượng bắt buộc sử dụng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này, để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố.

- Số lượng doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, công suất thiết kế, sản lượng sản xuất và tiêu thụ của một số sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu (trong đó có vật liệu xây không nung) trên địa bàn theo biểu số 17/BCĐP ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BXD.

16. Các Hội, Hiệp hội xây dựng và vật liệu xây dựng:

a) Tích cực tuyên truyền, phổ biến, vận động các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung trong các công trình xây dựng, đặc biệt là các vật liệu xây không nung loại nhẹ theo nội dung tại các Khoản 1.1, 1.2 và 1.3 của Chỉ thị này.

b) Huy động tiềm lực của các doanh nghiệp để đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung với công nghệ hiện đại, các loại vật liệu xây không nung mới và ứng dụng các loại vật liệu này vào công trình xây dựng.

c) Phổ biến và hỗ trợ cho các doanh nghiệp về việc:

- Thực hiện việc đề nghị Bộ Công Thương điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu sản xuất vật liệu xây không nung trong nước đã sản xuất được, để các Bộ, ngành liên quan có cơ sở xây dựng các chính sách hỗ trợ và bảo hộ cho doanh nghiệp sản xuất trong nước.

- Đăng ký sở hữu trí tuệ tại Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đề xuất, kiến nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước về các chính sách hỗ trợ, các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp vượt qua các khó khăn, phát triển bền vững.

17. Các cơ quan thông tin truyền thông của thành phố:

a) Chủ động, tích cực tuyên truyền các nội dung về khuyến khích sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung, đặc biệt là các đối tượng bắt buộc sử dụng tại Khoản 1.3 Chỉ thị này.

b) Xây dựng và thực hiện một số chương trình nhằm giới thiệu, tuyên truyền rộng rãi đến người tiêu dùng về những ưu điểm của vật liệu xây không nung, qua đó đẩy mạnh việc phổ biến và sử dụng loại sản phẩm này.

18. Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố:

Theo dõi kết quả thực hiện và chấp hành Chỉ thị này của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố; xem đây là một trong những tiêu chí xem xét khen thưởng, đánh giá thi đua cuối năm đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức Hội nghề nghiệp.

19. Tổ chức thực hiện:

- Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan nêu trên có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị này.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị có văn bản gửi Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp trình Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết.

20. Điều khoản thi hành:

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành
chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý
cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch và Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;

Căn cứ Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 56/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cư trú;

Căn cứ Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư

pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2009 liên Bộ Y tế và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 52/2010/TT-BCA ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú; Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2007 và Nghị định số 56/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2010 về cư trú;

Căn cứ Thông tư số 80/2011/TT-BCA ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 653/TTr-VP ngày 25 tháng 01 năm 2013 và của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 201/TTr-STP-HT ngày 14 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Trưởng Công an các quận - huyện; Giám đốc Bảo hiểm xã hội các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - phường - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính
thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định quy trình áp dụng cơ chế một cửa liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong việc giải quyết hai (02) nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú:

1. Liên thông nhóm thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế và đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 6 tuổi, gồm:

a) Đăng ký khai sinh - Cấp thẻ bảo hiểm y tế - Đăng ký thường trú: áp dụng đối với trẻ em dưới 6 tuổi có cha hoặc mẹ hay người nuôi dưỡng có đăng ký thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Đăng ký khai sinh - Cấp thẻ bảo hiểm y tế: áp dụng đối với trẻ em dưới 6 tuổi có cha hoặc mẹ hay người nuôi dưỡng có đăng ký tạm trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Liên thông nhóm thủ tục hành chính đăng ký khai tử và xóa đăng ký thường trú đối với người chết có đăng ký thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân có nhu cầu giải quyết các nhóm thủ tục hành chính được quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), Công an và Bảo hiểm xã hội quận - huyện (gọi tắt là Công an và Bảo hiểm xã hội cấp huyện).

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ được nêu trong Quy chế này. Trường hợp yêu cầu của cá nhân không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Trường hợp hồ sơ chưa đúng, chưa đủ theo quy định thì hướng dẫn cụ thể một lần, đầy đủ để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an và Bảo hiểm xã hội cấp huyện chịu trách nhiệm trong việc giải quyết từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan mình và cùng phối hợp giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện liên thông các nhóm thủ tục hành chính theo Quy chế này.

3. Trường hợp công dân có nhu cầu sử dụng Giấy khai sinh, Giấy chứng tử, người nộp hồ sơ được quyền yêu cầu và được nhận trước bản chính Giấy khai sinh, Giấy chứng tử ngay trong ngày nộp hồ sơ. Nếu nộp hồ sơ sau 15 giờ thì người nộp hồ sơ sẽ nhận kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

4. Cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính có quyền lựa chọn không áp dụng quy trình liên thông được nêu tại Quy chế này. Trường hợp cá nhân lựa chọn không áp dụng quy trình liên thông, việc thực hiện từng thủ tục sẽ theo quy định pháp luật hiện hành đối với từng loại thủ tục.

Điều 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả, thu lệ phí đăng ký thường trú

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết đối với các nhóm thủ tục được nêu tại Điều 1 Quy chế này và thu lệ phí đăng ký thường trú theo ủy quyền của Công an cấp huyện.

2. Công an và Bảo hiểm xã hội cấp huyện tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến và xử lý theo thẩm quyền, đúng thời gian quy định.

Chương II**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG****Mục 1****ĐĂNG KÝ KHAI SINH - CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ -
ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI**

Điều 5. Hồ sơ Đăng ký khai sinh - cấp Thẻ bảo hiểm y tế - Đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 6 tuổi

Người đi đăng ký phải nộp một (01) bộ hồ sơ, xuất trình các giấy tờ và nộp lệ phí đăng ký thường trú theo quy định hiện hành tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng của trẻ em thường trú.

1. Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy chứng minh nhân dân của người đi đăng ký khai sinh;

b) Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn). Trường hợp cán bộ Tư pháp - hộ tịch biết rõ về quan hệ hôn nhân của cha, mẹ trẻ em không bắt buộc phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn.

2. Hồ sơ phải nộp

a) Tờ khai đăng ký khai sinh;

b) Giấy chứng sinh do cơ sở y tế nơi trẻ em sinh ra cấp; nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực;

c) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;

d) Giấy tờ kèm theo gồm:

- Trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo mẹ: Hộ khẩu của mẹ (bản chính);

- Trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo cha: Hộ khẩu của cha (bản chính);

- Trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo người nuôi dưỡng: Hộ khẩu của người nuôi dưỡng (bản chính) và các giấy tờ chứng minh theo Điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 52/2010/TT-BCA ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú; Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2007 và Nghị định số 56/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về cư trú.

Điều 6. Quy trình tiếp nhận và trả kết quả

1. Tiếp nhận hồ sơ:

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, đối chiếu thông tin, cấp biên nhận hồ sơ, thu và cấp biên lai thu lệ phí đăng ký thường trú cho đương sự.

2. Trình tự giải quyết hồ sơ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp Giấy khai sinh cho trẻ em ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.

b) Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy khai sinh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- Chuyển thông tin đến Bảo hiểm xã hội cấp huyện thông qua mạng điện tử: họ và tên trẻ em; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; địa chỉ thường trú của trẻ em; họ tên mẹ hoặc cha hoặc người nuôi dưỡng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu.

- Chuyển hồ sơ đăng ký thường trú đến Công an cấp huyện: bản sao Giấy khai sinh của trẻ em và các giấy tờ kèm theo được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

c) Giải quyết hồ sơ tại Bảo hiểm xã hội và Công an cấp huyện:

- Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông tin qua mạng điện tử do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến Bảo hiểm xã hội cấp huyện xử lý hồ sơ và cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Công an cấp huyện xử lý hồ sơ và thực hiện đăng ký thường trú.

d) Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn nêu tại Điểm c Khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc sau:

- Chuyển hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Bảo hiểm y tế cho Bảo hiểm xã hội cấp huyện;

- Nhận kết quả: Thẻ bảo hiểm y tế và Sổ hộ khẩu tại Bảo hiểm xã hội và Công an cấp huyện.

3. Trả kết quả:

Trong thời hạn mười một (11) ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã nộp hồ sơ để nhận kết quả: Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế và Hộ khẩu.

Mục 2

ĐĂNG KÝ KHAI SINH - CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO TRẺ DƯỚI 6 TUỔI

Điều 7. Hồ sơ đăng ký khai sinh và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

Người đi đăng ký phải nộp một (01) bộ hồ sơ và xuất trình các giấy tờ tại Bộ

phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ em đăng ký tạm trú.

1. Giấy tờ phải xuất trình

- a) Chứng minh nhân dân của người đi đăng ký khai sinh;
- b) Sổ tạm trú của cha hoặc mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ em;
- c) Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn). Trường hợp cán bộ Tư pháp hộ tịch biết rõ về quan hệ hôn nhân của cha, mẹ trẻ em không bắt buộc phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn.

2. Hồ sơ phải nộp

- a) Tờ khai đăng ký khai sinh;
- b) Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp; nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực.

Điều 8. Quy trình tiếp nhận và trả kết quả

1. Tiếp nhận hồ sơ:

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, đối chiếu thông tin và cấp biên nhận cho người nộp hồ sơ.

2. Trình tự giải quyết hồ sơ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho trẻ em ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.

b) Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy khai sinh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chuyển các thông tin đến Bảo hiểm xã hội cấp huyện thông qua mạng điện tử: họ và tên trẻ em; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; địa chỉ thường trú của trẻ em; họ tên mẹ hoặc cha hoặc người nuôi dưỡng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu.

c) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông tin qua mạng điện tử do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Bảo hiểm xã hội cấp huyện xử lý hồ sơ và cấp thẻ bảo hiểm y tế.

d) Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn nêu tại Điểm c Khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc sau:

- Chuyển hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Bảo hiểm y tế cho Bảo hiểm xã hội cấp huyện;

- Nhận kết quả: Thẻ bảo hiểm y tế tại Bảo hiểm xã hội cấp huyện.

3. Trả kết quả:

Trong thời hạn chín (09) ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã nộp hồ sơ để nhận kết quả: Giấy khai sinh và Thẻ bảo hiểm y tế.

Mục 3

ĐĂNG KÝ KHAI TỬ - XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ

Điều 9. Hồ sơ đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú

Người đi đăng ký phải nộp một (01) bộ hồ sơ và xuất trình các giấy tờ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người chết.

1. Giấy tờ phải xuất trình:

Chứng minh nhân dân của người đi đăng ký khai tử.

2. Giấy tờ phải nộp:

a) Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay cho Giấy báo tử theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

b) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;

c) Hộ khẩu (bản chính) có đăng ký thường trú của người chết.

Điều 10. Quy trình tiếp nhận và trả kết quả

1. Tiếp nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin, tiếp nhận hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp hồ sơ.

2. Trình tự giải quyết hồ sơ

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp Giấy chứng tử ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.

b) Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng tử; Ủy

ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chuyển hồ sơ xóa đăng ký thường trú đến Công an cấp huyện: bản sao Giấy chứng tử; Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; Hộ khẩu (bản chính) có đăng ký thường trú của người chết.

c) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến Công an cấp huyện xử lý hồ sơ và xóa đăng ký thường trú.

d) Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn nêu tại Điều c Khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã nhận kết quả xóa đăng ký thường trú tại Công an cấp huyện.

3. Trả kết quả:

Trong thời hạn sáu (06) ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã nộp hồ sơ để nhận kết quả: Giấy chứng tử và Hộ khẩu.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN PHỐI HỢP

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Công khai đầy đủ, rõ ràng các thủ tục hành chính, niêm yết tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, giấy tờ, hồ sơ, mức thu lệ phí và thời gian giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông được quy định tại Quy chế này.

2. Thông tin, tuyên truyền bằng các hình thức thích hợp; thông báo thường xuyên đến Khu phố, Tổ dân phố, Ấp và phổ biến rộng rãi để người dân dễ tiếp cận và thực hiện khi có nhu cầu.

3. Tiếp nhận các khiếu nại của cá nhân có liên quan trong thực hiện các thủ tục hành chính tại Quy chế này và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết khiếu nại.

4. Giải quyết khiếu nại của cá nhân và xử lý các vướng mắc liên quan đến đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 6 tuổi.

5. Bố trí cán bộ Tư pháp - hộ tịch thực hiện nhiệm vụ liên thông.

6. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc huyện được giữ lại 80% lệ phí đăng ký thường trú thu được để phục vụ hoạt động liên thông; đối với Ủy ban nhân dân

phường thuộc quận thì được giữ lại 70% lệ phí đăng ký thường trú thu được để phục vụ hoạt động liên thông.

Điều 12. Trách nhiệm của Công an cấp huyện

1. Thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã để yêu cầu cá nhân bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ.

2. Xem xét, giải quyết việc đăng ký thường trú và xóa đăng ký thường trú theo quy định hiện hành và được quyền từ chối giải quyết nếu yêu cầu bổ sung hồ sơ không được đáp ứng.

3. Giải quyết khiếu nại của cá nhân và xử lý các vướng mắc liên quan đến đăng ký thường trú và xóa đăng ký thường trú.

4. Chỉ đạo Công an cấp xã trong việc phối hợp kiểm tra hồ sơ đăng ký và xóa đăng ký thường trú, tiếp nhận chuyển giao và nhận kết quả hồ sơ đăng ký và xóa đăng ký thường trú giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an cấp huyện.

5. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thu lệ phí đăng ký thường trú.

Điều 13. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội cấp huyện

1. Thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã để yêu cầu cá nhân bổ sung nếu hồ sơ không hợp lệ.

2. Xem xét, giải quyết việc cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định hiện hành và được quyền từ chối giải quyết nếu yêu cầu bổ sung hồ sơ không được đáp ứng.

3. Giải quyết khiếu nại của cá nhân và xử lý các vướng mắc liên quan đến cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp huyện, Bảo hiểm xã hội cấp huyện triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Điều 15. Sở Tư pháp, Công an Thành phố, Bảo hiểm xã hội Thành phố có trách

nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi ngành, lĩnh vực của đơn vị để bảo đảm Quy chế này được triển khai thực hiện nghiêm túc, thống nhất và đồng bộ.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp, giao Sở Tư pháp chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận thông tin, phối hợp với Công an Thành phố, Bảo hiểm xã hội Thành phố và các cơ quan có liên quan để trao đổi, thống nhất và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 16. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện về trang bị đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin cho Ủy ban nhân dân cấp xã để đáp ứng yêu cầu thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính tại Quy chế này.

Điều 17. Sở Tài chính chịu trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mức thu, chi từ nguồn thu lệ phí đăng ký thường trú giao Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng phục vụ cho công tác phối hợp và hướng dẫn việc quyết toán nguồn thu kinh phí này theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về cấm và hạn chế xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh lưu thông trong khu vực nội đô và trên một số tuyến đường thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm kiểm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện các giải pháp cấp bách bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2012;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 17/TTr-SGTVT ngày 09 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quyết định này quy định về cấm và hạn chế xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh lưu thông trong khu vực nội đô và trên các quốc lộ thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Các loại xe bị cấm lưu thông

1. Xe cơ giới ba bánh tự chế, không có đăng ký;

2. Xe thô sơ ba, bốn bánh tự chế, không có đăng ký.

Điều 3. Xe do thương binh, người tàn tật sử dụng được phép lưu thông

Xe làm phương tiện đi lại của thương binh, người tàn tật đã được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Quyết định số 62/2007/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và đăng ký, cấp biển số theo Thông tư số 32/2007/TTLT-BCA-BGTV ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Liên Bộ Công an - Giao thông vận tải.

Điều 4. Xe chuyên dùng thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường được phép lưu thông hạn chế

Khi tham gia giao thông, các xe cơ giới ba bánh thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường, đã được đăng ký, cấp biển số tại Công an quận - huyện phải có hợp đồng với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn hoặc Công ty công ích và chỉ được phép lưu thông trên các tuyến đường trong phạm vi được thu gom rác thải đến trạm trung chuyển; xe thô sơ ba, bốn bánh tham gia thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường hiện hành và không được phép lưu thông trong giờ cao điểm sáng từ 06 giờ 00 đến 08 giờ 00 và giờ cao điểm chiều từ 16 giờ 00 đến 19 giờ 00 hàng ngày.

Điều 5. Điều kiện, phạm vi lưu thông của các loại xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh có đăng ký

1. Khi tham gia giao thông, các loại xe cơ giới ba bánh phải được đăng ký, cấp biển số tại cơ quan Công an; các xe thô sơ ba, bốn bánh phải được đăng ký, cấp biển số tại Sở Giao thông vận tải.

2. Cấm các loại xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh lưu thông trong khu vực trung tâm thành phố và một số tuyến đường ngoài khu vực trung tâm, cụ thể:

a) Khu vực trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh được giới hạn bởi trên và bên trong các tuyến đường: Hai Bà Trưng - Tôn Đức Thắng - Hàm Nghi - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thị Nghĩa - Cách Mạng Tháng Tám - Điện Biên Phủ - Hai Bà Trưng.

b) Một số tuyến đường ngoài khu vực trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: đường Phan Đình Giót (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Trường Sơn), đường Trường Sơn (đoạn từ đường Phan Đình Giót đến đường Hồng Hà), đường Trần Quốc Hoàn, đường Hoàng Văn Thụ, đường Nguyễn Văn Trỗi, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Điện Biên Phủ), đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường Lò Gốm đến đường Tôn Đức Thắng).

3. Thời gian và phạm vi hạn chế lưu thông đối với các loại xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh có đăng ký:

a) Không được phép lưu thông trong khu vực nội đô thành phố có giới hạn được quy định tại Điều 6 Quyết định này, thời gian từ 05 giờ 00 đến 13 giờ 00 và từ 16 giờ 00 đến 22 giờ 00 trong ngày.

b) Không được phép lưu thông trong các giờ cao điểm buổi sáng từ 06 giờ 00 đến 08 giờ 00 và buổi chiều từ 16 giờ 00 đến 19 giờ 00 hàng ngày trên các tuyến đường, đoạn đường hạn chế lưu thông được quy định tại Điều 7 Quyết định này.

Điều 6. Giới hạn khu vực nội đô Thành phố Hồ Chí Minh

Khu vực nội đô Thành phố Hồ Chí Minh được giới hạn trên các tuyến vành đai và bên trong các tuyến vành đai như sau:

Đường Tôn Đức Thắng (quận 1) - đường Lê Thánh Tôn (quận 1) - đường Nguyễn Hữu Cảnh (quận 1 - quận Bình Thạnh) - đường Ung Văn Khiêm (quận Bình Thạnh) - Quốc lộ 13 (quận Bình Thạnh) - đường Đinh Bộ Lĩnh (quận Bình Thạnh) - đường Nguyễn Xí (quận Bình Thạnh) - đường Nơ Trang Long (quận Bình Thạnh) - đường Trần Quý Cáp (quận Bình Thạnh) - đường Phan Văn Trị (quận Bình Thạnh - quận Gò Vấp) - đường Nguyễn Thái Sơn (quận Gò Vấp) - đường Nguyễn Văn Nghi (quận Gò Vấp) - đường Quang Trung (quận Gò Vấp) - đường Phan Huy Ích (quận Gò Vấp - quận Tân Bình) - đường Trường Chinh (quận Tân Phú - quận Tân Bình) - đường Âu Cơ (quận Tân Phú - quận Tân Bình) - đường Lũy Bán Bích (quận Tân Phú) - đường Tân Hóa (quận 11 - quận 6) - đường Hồng Bàng và vòng xoay Phú Lâm (quận 6) - đường Nguyễn Văn Luông (quận 6) - đường Hậu Giang (quận 6) - đường Bình Tiên (quận 6) - đường Võ Văn Kiệt (quận 1, 5, 6) - đường Nguyễn Tất Thành (quận 4) - đường Tôn Thất Thuyết (quận 4) - đường Nguyễn Khoái (quận 4) - đường Bến Vân Đồn (quận 4).

Điều 7. Các tuyến đường, đoạn đường quy định hạn chế lưu thông

- Xa lộ Hà Nội;
- Quốc lộ 1;
- Quốc lộ 1K;
- Quốc lộ 13;
- Quốc lộ 22;
- Quốc lộ 50;

- Đường Nguyễn Văn Linh;
- Đường Nguyễn Lương Bằng;
- Đường Huỳnh Tấn Phát;
- Đường Nguyễn Thị Thập;
- Đường Dương Bá Trạc;
- Đường Trần Xuân Soạn;
- Đường Phạm Thế Hiển;
- Đường Phạm Hùng (từ cầu Nguyễn Tri Phương đến đường Nguyễn Văn Linh).

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2009; Quyết định số 94/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản khác có nội dung trái với Quyết định này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ nội dung Quyết định này, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, tùy chức năng và nhiệm vụ, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn mẫu của các phương tiện cơ giới và xe thô sơ ba, bốn bánh tham gia thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở - ngành và các đơn vị có liên quan đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 07 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Đội Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin
và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 7****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng karaoke, vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BLĐT BXH ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thành lập và tổ chức hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm;

Căn cứ Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 của UBND TP ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin tại Tờ trình số 09/TTr-VHTT ngày 15 tháng 01 năm 2013 và của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 01/TTr-NV ngày 31 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 7 (gọi tắt là Đội Kiểm tra Liên ngành văn hóa - xã hội quận 7).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an quận, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Tài chính - kế hoạch, Thủ trưởng cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Đội Kiểm tra liên ngành
hoạt động văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 7**
(Gọi tắt là Đội Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội)
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 7)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí - vai trò

1. Đội Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội (KTLN VH-XH) quận 7 được thành lập theo quy định của pháp luật để tiến hành kiểm tra, xác lập hành vi vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa; kinh doanh dịch vụ văn hóa; thông tin và truyền thông; phòng, chống tệ nạn mại dâm và các hành vi vi phạm hành chính khác có liên quan trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội.

2. Đội KTLN VH - XH là lực lượng phối hợp liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, hoạt động theo quy định của pháp luật bao gồm các ngành Văn hóa và Thông tin; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tư pháp; Quản lý thị trường; Công an; Kinh tế; Y tế... để kiểm tra, phát hiện và xác lập hồ sơ vi phạm pháp luật nhằm phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, thông tin truyền thông và phòng, chống tệ nạn xã hội (gọi tắt là hoạt động văn hóa - xã hội). Kịp thời chuyển hồ sơ vi phạm về Phòng Văn hóa và Thông tin để tham mưu hình thức xử lý trước khi trình lãnh đạo xem xét, xử lý.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là thành viên hoặc có quyền và nghĩa vụ liên quan đến Đội KTLN VH - XH trên địa bàn quận 7.

2. Đối tượng kiểm tra là các tổ chức, cá nhân được xác định cụ thể theo Quyết định thành lập Đội KTLN VH - XH trên địa bàn quận 7.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Đội KTLN VH -XH khi làm nhiệm vụ phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

2. Đội KTLN VH - XH có nhiệm vụ kiểm tra các hoạt động văn hóa - xã hội của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quận 7 theo đúng nội dung của Quyết định thành lập Đội KTLN VH - XH.

**Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN****Điều 4. Nhiệm vụ**

1. Khảo sát nắm tình hình, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, phải đình chỉ ngay hành vi vi phạm pháp luật, xác lập hồ sơ vi phạm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, kịp thời chuyển vụ hồ sơ vi phạm cho cơ quan hoặc người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền hạn

1. Đề nghị cơ quan chức năng, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền liên quan trên địa bàn phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Đội KTLN VH-XH thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong suốt quá trình kiểm tra.

2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân thuộc diện kiểm tra chấp hành quyết định kiểm tra, xuất trình, cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan theo đúng nội dung kiểm tra và hợp tác với Đội KTLN VH - XH trong suốt thời gian kiểm tra.

3. Lập Biên bản kiểm tra, Biên bản vi phạm hành chính, phối hợp với đơn vị chức năng lập Biên bản tạm giữ tang vật, Quyết định tạm giữ tang vật (nếu có), niêm phong tang vật và đình chỉ ngay hành vi vi phạm hành chính theo đúng Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan.

4. Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm hình sự thì kịp thời xác lập hồ sơ vụ việc vi phạm chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền thụ lý theo đúng quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU, HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Cơ cấu của Đội KTLN VH -XH

1. Đội KTLN VH-XH do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập; Đội trưởng, Phó Đội trưởng và các thành viên trong Đội KTLN VH-XH do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Nội vụ. Thời hạn hoạt động của Đội KTLN VH-XH theo Quyết định thành lập.

2. Đội KTLN VH-XH gồm 01 Đội trưởng và 02 phó Đội trưởng, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin làm Đội trưởng. Các ngành, các phòng, ban, đơn vị của quận (Văn hóa và Thông tin; Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an, Y tế, Kinh tế, Tư pháp, Quản lý thị trường...) cử ít nhất từ 1 đến 2 người tham gia làm thành viên của Đội KTLN VH-XH.

3. Đội KTLN VH-XH chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 7. Hoạt động của Đội KTLN VH -XH

1. Đội KTLN VH-XH hoạt động theo cơ chế phối hợp.

Đội trưởng Đội KTLN VH-XH điều hành chung mọi hoạt động của Đội, có quyền tổ chức thực hiện kiểm tra, xác lập hồ sơ vi phạm đối với cá nhân, tổ chức theo đúng nội dung Quyết định thành lập theo Khoản 2 Điều 3 Chương I và Chương II của Quy chế này. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp trong quá trình kiểm tra, xác lập hồ sơ vi phạm theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền bổ nhiệm được quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Đội trưởng thông báo lịch công tác cho các thành viên trước từ 3 - 5 giờ đồng hồ hoặc đột xuất (khi cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo) và nhận xét về kết quả công tác của từng thành viên tham gia theo Quyết định thành lập hoặc khi có yêu cầu của các đơn vị có liên quan.

Phó Đội trưởng có trách nhiệm giúp Đội trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng.

Các thành viên trong Đội KTLN VH-XH do Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thành viên đó giới thiệu, bảo đảm hiểu biết, chịu trách nhiệm về chuyên môn,

chức năng của ngành mình trong quá trình kiểm tra, chấp hành sự phân công của Đội trưởng, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đội trưởng về những công việc đã được phân công theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực mình đang công tác, đồng thời đề xuất nội dung, biện pháp kiểm tra trong lĩnh vực đơn vị phụ trách.

2. Đội KTLN VH - XH do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thành lập chỉ đạo, điều hành, kiểm tra hoạt động của Đội KTLN VH - XH.

3. Quy định khi tiến hành kiểm tra.

Đội KTLN VH-XH chỉ được tiến hành kiểm tra khi có Đội trưởng hoặc Phó Đội trưởng và ít nhất thành viên của 04 Phòng, ban, đơn vị trong đó phải có Phòng Văn hóa và Thông tin, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an quận.

Khi tiến hành kiểm tra, phải thông báo Quyết định thành lập Đội KTLN VH - XH cho tổ chức, cá nhân thuộc diện bị kiểm tra biết để chấp hành trong suốt thời gian kiểm tra tại cơ sở.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 8. Mối quan hệ công tác và cơ chế phối hợp

Đội KTLN VH-XH xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của quận, Kế hoạch tổ chức kiểm tra liên ngành (định kỳ, đột xuất) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thông qua; đồng thời báo cáo nhanh các vụ việc lớn, phức tạp và kết quả xử lý trên địa bàn hoặc báo cáo theo yêu cầu đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Có trách nhiệm hỗ trợ Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố khi có yêu cầu kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của Đội KTLN VH - XH có trách nhiệm phối hợp với ban, ngành, đoàn thể, chính quyền cùng cấp, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác kiểm tra, phòng ngừa, phát hiện, xác lập các vi phạm pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra có hiệu quả.

Điều 9. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Đội KTLN VH-XH do ngân sách quận cấp và từ các khoản thu nộp phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực Văn hóa - Xã hội. Phòng Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm chăm công, thực hiện thủ tục kinh

phí bồi dưỡng cho Đội KTLN VH-XH, dự trù phương tiện phục vụ trong quá trình kiểm tra theo đúng quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chịu trách nhiệm bố trí ngân sách, quản lý kinh phí và duyệt chi công tác phí, bồi dưỡng, phương tiện phục vụ, trong suốt quá trình kiểm tra nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của Đội KTLN VH -XH trên địa bàn quận.

Điều 10. Phụ cấp, phương tiện hoạt động

1. Chế độ phụ cấp

Đội KTLN VH-XH được hưởng tiền làm thêm giờ, làm đêm; được bồi dưỡng ăn đêm nếu làm việc trong thời gian từ 20 giờ đến 04 giờ sáng hôm sau theo quy định hiện hành và theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Phương tiện hoạt động

Đội KTLN VH-XH được trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cần thiết để thực hiện chức trách của mình; có trách nhiệm trong việc sử dụng và bảo quản tốt phương tiện được cấp như: Công cụ hỗ trợ, máy quay phim, máy chụp hình, máy đo âm thanh, máy đo ánh sáng, dụng cụ đo nồng độ rượu, hỗ trợ hao mòn xe và văn phòng phẩm phục vụ cho công tác kiểm tra. Theo tình hình thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định cấp phương tiện cho Đội KTLN VH-XH để bảo đảm hoạt động kiểm tra.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 11. Chế độ khen thưởng

Khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân có thành tích theo thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Đội KTLN VH - XH trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng thì được hưởng chế độ trợ cấp, đền bù theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Kỷ luật

Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu thành viên của Đội KTLN VH - XH có hành vi vi phạm hoặc lạm dụng quyền hạn, vi phạm pháp luật thì Đội trưởng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thành viên đó

biết và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận kiểm tra xem xét, tùy theo mức độ vi phạm của người đó mà xử lý kỷ luật. Việc xử lý hành vi vi phạm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thành lập, bảo đảm về nhân sự và chế độ, chính sách, kinh phí hoạt động của Đội KTLN VH - XH thực hiện đúng quy định của Quy chế này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chịu trách nhiệm trước Thành phố, quận nếu để phát sinh tệ nạn xã hội, hoạt động kinh doanh văn hóa - xã hội trái pháp luật diễn ra trên địa phương mà không kịp thời có kế hoạch, chỉ đạo giải quyết. Đây là nội dung quan trọng trong việc xét đánh giá thi đua hoàn thành nhiệm vụ hàng năm trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, an ninh trật tự địa phương.

2. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa và Thông tin

Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan thường trực về công tác Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm:

Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận điều hành hoạt động của Đội KTLN VH-XH. Chủ trì các cuộc họp giao ban định kỳ, đột xuất; tổng hợp và dự thảo báo cáo, xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của Đội KTLN VH-XH trình Ủy ban nhân dân quận.

Chủ động phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan đề xuất nhân sự của Đội KTLN VH-XH và đảm bảo bố trí lực lượng theo quy định tại Quy chế.

Phối hợp với Phòng Tài chính và Kế hoạch quận dự trù kinh phí hoạt động của Đội KTLN VH-XH hàng năm và quyết toán kinh phí theo quy định.

Khi cần thiết, có quyền tham mưu khen thưởng đột xuất cho Đội KTLN VH-XH và những cá nhân có liên quan trong các hoạt động cao điểm.

3. Trách nhiệm của Trưởng phòng, ban, đơn vị liên quan

Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị được quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Quy

chế này có trách nhiệm cử cán bộ có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực tham gia Đội KTLN VH-XH và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ tham gia Đội KTLN VH - XH hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị quản lý có biện pháp tổ chức, phối hợp thực hiện nghiêm túc nội dung Quy chế này.

2. Giao Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết.

3. Việc bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh Quy chế này do Ủy ban nhân dân quận quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin sau khi có tham khảo ý kiến của các phòng, ban chức năng.

4. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường căn cứ vào Quy chế này và điều kiện thực tế ra quyết định thành lập Tổ KTLN VH-XH để kiểm tra, ngăn ngừa và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn phường quản lý./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Hiếu

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 699/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và cho phép đỗ xe dưới lòng đường có thu phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện các giải pháp cấp bách bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2012;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 66/TTr-SGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một

phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và cho phép đỗ xe dưới lòng đường có thu phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- Phụ lục 1: Danh mục 117 tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí;

- Phụ lục 2: Danh mục 13 tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa;

- Phụ lục 3: Danh mục 42 tuyến đường cho phép đậu xe dưới lòng đường có thu phí.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thực hiện:

1. Triển khai công tác quản lý và sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh, buôn bán hàng hóa và tổ chức việc đỗ xe dưới lòng đường theo danh mục đã được thông qua.

2. Báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh, các kiến nghị liên quan đến việc tổ chức thực hiện nêu trên về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chấp hành các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải về công tác quản lý, nâng cấp, chỉnh trang vỉa hè để điều chỉnh, thực hiện cho phù hợp và không ảnh hưởng trật tự, an toàn giao thông.

Điều 3. Quyết định này thay thế các Quyết định số 5010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2009, Quyết định số 4030/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2012, Quyết định số 4410/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHO PHÉP SỬ DỤNG TẠM THỜI
MỘT PHẦN VỈA HÈ LÀM BÃI GIỮ XE CÔNG CỘNG CÓ THU PHÍ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 699/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
QUẬN 1					
1	Bùi Thị Xuân	Cách Mạng Tháng Tám	Tôn Thất Tùng	6	
2	Calmette	Trần Hưng Đạo	Lê Thị Hồng Gấm	4,9	
3	Cao Bá Quát	Thái Văn Lung	Hai Bà Trưng	5,7	
4	Chu Mạnh Trinh	Lý Tự Trọng	Nguyễn Du	5,6 - 7	
5	Cô Bắc	Nguyễn Thái Học	Đề Thám	5,3	
6	Cống Quỳnh	Bùi Thị Xuân	Bùi Viện	3,9 - 6	
7	Đình Tiên Hoàng	Nguyễn Đình Chiểu	Điện Biên Phủ	5,8	
8	Đông Du	Hai Bà Trưng	Đồng Khởi	4	
9	Hàm Nghi	Công trường Quách Thị Trang	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	5,7	
10	Hải Triều	Nguyễn Huệ	Hàm Nghi	5,7	
11	Hồ Huân Nghiệp	Công trường Mê Linh	Đồng Khởi	5,5	
12	Hồ Tùng Mậu	Bến Chương Dương	Tôn Thất Thiệp	3,9 - 6,5	
13	Huyền Trân Công Chúa	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Du	6,5	
14	Huỳnh Thúc Kháng	Lê Lợi	Pasteur	6,2 - 6,4	
15	Lê Thị Hồng Gấm	Phó Đức Chính	Calmette	5	
16	Lê Văn Hưu	Lê Duẩn	Nguyễn Du	4 - 6	
17	Mạc Đĩnh Chi	Điện Biên Phủ	Trần Cao Vân	5,9-6,1	
18	Mạc Thị Bưởi	Hai Bà Trưng	Đồng Khởi	4	
19	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Lê Lợi	Hàm Nghi	6	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng via hè (m)	Ghi chú
20	Ngô Đức Kế	Công trường Mê Linh	Nguyễn Huệ	4	
21	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Hữu Cảnh	Lê Duẩn	6,2	
22	Nguyễn Cư Trinh	Trần Hưng Đạo	Cống Quỳnh	6	
23	Nguyễn Công Trứ	Hồ Tùng Mậu	Yersin	3,5 - 6	
24	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng	Pasteur	5,4 - 6	
25	Nguyễn Hữu Cầu	Hai Bà Trưng	Thạch Thị Thanh	8	
26	Nguyễn Huy Tụ	Nguyễn Văn Giai	Đình Tiên Hoàng	6	
27	Nguyễn Khắc Nhu	Trần Hưng Đạo	Cô Giang	4,7 - 5,9	
28	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Bình Khiêm	Hai Bà Trưng	5,8 - 6	
29	Nguyễn Siêu	Thái Văn Lung	Hai Bà Trưng	5 - 9	
30	Nguyễn Thái Bình	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phó Đức Chính	4,8 - 5	
31	Nguyễn Thị Minh Khai	Cống Quỳnh	Lương Hữu Khánh	6	
32	Nguyễn Trãi	Nguyễn Cư Trinh	Nguyễn Văn Cừ	4,7 - 5,4	
33	Nguyễn Trung Ngạn	Tôn Đức Thắng	Chu Mạnh Trinh	4,8	
34	Nguyễn Trung Trực	Lê Thánh Tôn	Lê Lợi	5,5 - 6	
35	Nguyễn Văn Bình	Công xã Paris	Hai Bà Trưng	5,8	
36	Nguyễn Văn Thủ	Mạc Đĩnh Chi	Phùng Khắc Khoan	6	
37	Phan Bội Châu	Lê Thánh Tôn	Lê Lợi	7,7	
38	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tôn	Lê Lai	7,2	
39	Phan Văn Trường	Nguyễn Thái Học	Yersin	4 - 4,6	
40	Phó Đức Chính	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Công Trứ	5	
41	Sương Nguyệt Anh	Cách Mạng Tháng Tám	Tôn Thất Tùng	5,8	
42	Thái Văn Lung	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Siêu	3,5	
43	Thi Sách	Lê Thánh Tôn	Công trường Mê Linh	5,6 - 6	
44	Thủ Khoa Huân	Nguyễn Du	Lý Tự Trọng	5,5	
45	Tôn Thất Đạm	Huỳnh Thúc Kháng	Tôn Thất Thiệp	5,5	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vía hè (m)	Ghi chú
46	Tôn Thất Thiệp	Nguyễn Huệ	Hồ Tùng Mậu	5,7	
47	Tôn Thất Tùng	Lê Lai	Bùi Thị Xuân	7	
48	Trần Cao Vân	Mạc Đĩnh Chi	Hai Bà Trưng	5,7	
49	Trần Đình Xu	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Cư Trinh	6,1	
50	Trần Quang Khải	Đình Tiên Hoàng	Trần Khắc Chân	5,6	
51	Trịnh Văn Cấn	Yersin	Nguyễn Thái Học	4,5	
52	Trương Định	Lê Thánh Tôn	Lý Tự Trọng	5	
53	Yersin	Phan Văn Trường	Trịnh Văn Cấn	4	
QUẬN 3					
54	Cách Mạng Tháng Tám	Tú Xương	Công trường Dân Chủ	11	
55	Huỳnh Tịnh Của	Trần Quốc Toản	Nguyễn Văn Mai	6	
56	Lê Quý Đôn	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Văn Tần	6	
		Tú Xương	Võ Thị Sáu		
57	Nguyễn Thượng Hiền	Công trường Dân Chủ	Điện Biên Phủ	6,8	
58	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Thượng Hiền	Cao Thắng	12,3	
59	Nguyễn Thị Minh Khai	Cao Thắng	Cách Mạng Tháng Tám	6	
		Cách Mạng Tháng Tám	Bà Huyện Thanh Quan	6	
60	Tú Xương	Bà Huyện Thanh Quan	Nguyễn Thông	6,8	
		Nguyễn Thông	Cách Mạng Tháng Tám	6	
61	Võ Văn Tần	Công trường Quốc tế	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	6 - 7	
QUẬN 4					
62	Lê Thạch	Lê Văn Linh	Đình Lễ	3,5 - 6	
63	Đình Lễ	Lê Thạch	Lê Quốc Hưng	4	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng via hè (m)	Ghi chú
QUẬN 5					
64	An Bình	Hàm Tử	Trần Hưng Đạo	3 - 4	
65	An Dương Vương	Nguyễn Văn Cừ	Phước Hưng	4 - 10	
66	Bà Triệu	Nguyễn Kim	Lý Thường Kiệt	3,5 - 5	
67	Bãi Sậy	Kim Biên	Ngô Nhân Tịnh	5 - 6	
68	Bạch Vân	Nhiều Tâm	An Bình	3,8 - 6	
69	Bùi Hữu Nghĩa	Bạch Vân	Nguyễn Trãi	3 - 6	
70	Châu Văn Liêm	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	3	
71	Chiêu Anh Các	Nhiều Tâm	Bùi Hữu Nghĩa	3,4 - 6	
72	Đặng Thái Thân	Mạc Thiên Tích	Hồng Bàng	3,4 - 4	
73	Hà Tôn Quyền	Tân Thành	Nguyễn Chí Thanh	3,4	
74	Hải Thượng Lãn Ông	Hàm Tử	Ngô Nhân Tịnh	3,8 - 5	
75	Hồng Bàng	Ngô Quyền	Nguyễn Thị Nhỏ	3,3 - 9,5	
76	Hùng Vương	Nguyễn Văn Cừ	Ngô Quyền	3 - 10,6	
77	Huỳnh Mẫn Đạt	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	3 - 5,2	
78	Lê Hồng Phong	Phan Văn Trị	Hùng Vương	5 - 10	
79	Lý Thường Kiệt	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	3,2 - 10	
80	Mạc Thiên Tích	Phước Hưng	Ngô Quyền	3,2 - 10	
81	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tri Phương	Ngô Quyền	3,7 - 8,5	
82	Ngô Quyền	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	3 - 4,4	
83	Nghĩa Thục	Nhiều Tâm	Trần Tuấn Khải	4	
84	Nguyễn Án	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	5,6 - 6,5	
85	Nguyễn Biểu	Cao Đạt	Trần Hưng Đạo	3,9 - 5	
86	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Thị Nhỏ	3,8 - 6,2	
87	Nguyễn Duy Dương	Trần Phú	Nguyễn Chí Thanh	5,4 - 5,7	
88	Nguyễn Kim	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	3 - 10	
89	Nguyễn Trãi	Nguyễn Văn Cừ	Triệu Quang Phục	3,8 - 5,3	
90	Nguyễn Tri Phương	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Chí Thanh	3,6 - 9	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vía hè (m)	Ghi chú
91	Nguyễn Văn Đùng	Hàm Tử	Trần Hưng Đạo	4	
92	Nguyễn Văn Cừ	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Minh Khai	3 - 5	
93	Nhiều Tâm	Bạch Vân	Trần Hưng Đạo	3,6 - 6	
94	Phạm Hữu Chí	Nguyễn Kim	Lý Thường Kiệt	5	
		Lương Nhữ Học	Đỗ Ngọc Thanh	3,5 - 4,1	
95	Sư Vạn Hạnh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	4 - 4,8	
96	Tân Hưng	Thuận Kiều	Nguyễn Thị Nhỏ	3 - 7	
97	Tân Thành	Phó Cơ Điều	Đỗ Ngọc Thanh	4 - 5,5	
98	Tản Đà	Hàm Tử	Hồng Bàng	4,5 - 7,1	
99	Tạ Uyên	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	7 - 8	
100	Thuận Kiều	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	4,6 - 5	
101	Trang Tử	Đỗ Ngọc Thanh	Dương Tử Giang	11	
102	Trần Bình Trọng	Hàm Tử	An Dương Vương	4 - 5	
103	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tri Phương	3,8 - 7,2	
104	Trần Nhân Tôn	Trần Phú	Hùng Vương	3 - 7	
105	Trần Phú	Trần Bình Trọng	Nguyễn Văn Cừ	3 - 10	
		Sư Vạn Hạnh	Trần Hưng Đạo	3 - 8	
106	Trần Tuấn Khải	Nghĩa Thục	Trần Hưng Đạo	5	
107	Trần Xuân Hòa	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	4,5	
108	Vạn Tượng	Vũ Chí Hiếu	Hải Thượng Lãn Ông	4	
QUẬN 6					
109	Minh Phụng	Hậu Giang	Lê Quang Sung	4,8 - 7,5	
110	Tháp Mười	Phạm Đình Hổ	Chu Văn An	5	
QUẬN 11					
111	Lý Thường Kiệt	Trước Điện lực Phú Thọ và nhà hàng Phong Lan		4,5	
112	Lữ Gia	Trước Coopmark Phú Thọ		4,5	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vía hè (m)	Ghi chú
QUẬN 12					
113	Tỉnh lộ 15	Cầu Chợ Cầu	Cầu vượt Quang Trung	8	
114	Trường Chinh	Nút giao thông An Sương	Cầu Tham Lương	6	
115	Nguyễn Ảnh Thủ	Ngã tư Trung Chánh	Tô Ký	4	
HUYỆN HÓC MÔN					
116	Nguyễn Ảnh Thủ	Tô Ký	Phan Văn Hón	4,75	
HUYỆN CẦN GIỜ					
117	Rừng Sác	Bến phà Bình Khánh	Thánh Thất Bình Khánh	3,7 - 5,8	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHO PHÉP SỬ DỤNG
TẠM THỜI MỘT PHẦN VĨA HÈ PHỤC VỤ KINH DOANH
DỊCH VỤ, BUÔN BÁN HÀNG HÓA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 699/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
QUẬN 5					
1	Phạm Đôn	Tân Hàng	Hải Thượng Lãn Ông	6	Phố ăn Chợ Lớn
2	Hải Thượng Lãn Ông	Trần Hòa	Châu Văn Liêm	5 - 6	Phố thuốc Đông Y
3	Phù Đổng Thiên Vương	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	3	Chợ Xã Tây
4	Đỗ Ngọc Thạnh	Tân Thành	Tân Hưng	4	Chợ Tân Thành
5	Dương Tử Giang	Tân Thành	Tân Hưng	4	Chợ Tân Thành
6	Tạ Uyên	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	4	Chợ Tân Thành
7	Phùng Hưng	Hồng Bàng	Nguyễn Trãi	2	Chợ Phùng Hưng
8	Lão Tử	Châu Văn Liêm	Phùng Hưng	2	Chợ Phùng Hưng
9	Hà Tôn Quyền	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	4	Chợ Hà Tôn Quyền
10	Tân Thành	Đỗ Ngọc Thạnh	Hà Tôn Quyền	4	Chợ Hà Tôn Quyền
11	Phạm Hữu Chí	Đỗ Ngọc Thạnh	Hà Tôn Quyền	4	Chợ Hà Tôn Quyền

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
QUẬN 6					
12	Trần Bình	Tháp Mười	Phan Văn Khỏe	4,6	Để hàng hóa
13	Lê Tấn Kế	Tháp Mười	Phan Văn Khỏe	4,6	Để hàng hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC TUYẾN ĐƯỜNG
CHO PHÉP ĐỖ XE DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG CÓ THU PHÍ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 699/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
QUẬN 1					
1	Cao Bá Quát	Thái Văn Lung	Hai Bà Trưng	8	Đỗ xe bên phải
2	Đông Du	Đồng Khởi	Hai Bà Trưng	12	Đỗ xe bên phải
3	Lê Lợi	Công trường Quách Thị Trang	Nguyễn Huệ	36	
4	Nguyễn Huệ	Lê Lợi	Tôn Đức Thắng	36	
5	Lê Lai	Nguyễn Thị Nghĩa	Công trường Quách Thị Trang	11	Đỗ xe bên phải Khoảng lùi đối diện khách sạn New World)
6	Nguyễn Văn Cừ	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	19,5	Đỗ xe bên phải
7	Hàm Nghi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tôn Đức Thắng	39	
8	Trương Định	Lý Tự Trọng	Nguyễn Du	9,1	Đỗ xe bên phải
9	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tôn	Lê Lai	19	Đỗ xe bên phải
10	Phan Bội Châu	Lê Lợi	Lê Thánh Tôn	19	Đỗ xe bên phải
11	Thủ Khoa Huân	Nguyễn Du	Lê Thánh Tôn	12	Đỗ xe bên phải
12	Hai Bà Trưng	Điện Biên Phủ	Võ Thị Sáu	13	Đỗ xe khu vực trước công viên Lê Văn Tám, không đỗ dưới lòng đường

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
13	Nguyễn Cư Trinh	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	18	Đỗ xe theo giờ, từ 09:00 - 16:00 và từ 19:00 - 06:00
14	Nguyễn Du	Huyền Trân Công Chúa	Trương Định	8	Đỗ xe theo giờ, từ 09:00 - 16:00 và từ 19:00 - 06:00
15	Huyền Trân Công Chúa	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Du	9	Đỗ xe theo giờ, từ 09:00 - 16:00 và từ 19:00 - 06:00
16	Mạc Thị Bưởi	Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ	12	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ
17	Ngô Đức Kế	Công trường Mê Linh	Nguyễn Huệ	12	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ
18	Hồ Huân Nghiệp	Công trường Mê Linh	Đông Khởi	8	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ
QUẬN 2					
16	Nguyễn Văn Hưởng	Thảo Điền	Nguyễn Cừ	12	Đỗ xe bên phải
QUẬN 3					
17	Bà Huyện Thanh Quan	Kỳ Đồng	Rạch Bùng Binh	12	Đỗ xe bên phải
18	Trương Định	Lý Chính Thắng	Hoàng Sa	12	Đỗ xe bên phải
19	Trần Quốc Thảo	Điện Biên Phủ	Ngô Thời Nhiệm	12	Đỗ xe bên phải (trừ vị trí trước nhà số 39)
		Nguyễn Đình Chiểu	Võ Văn Tần		
20	Hồ Xuân Hương	Bà Huyện Thanh Quan	Nguyễn Thông	9,5	Đỗ theo giờ, từ 09:00 - 10h30 và từ 14h00 - 16:00 và từ 20:00 - 06:00

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
21	Võ Văn Tần	Cao Thắng	Nguyễn Thượng Hiền	12	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ
22	Lê Ngô Cát	Ngô Thời Nhiệm	Điện Biên Phủ	6	Đỗ theo giờ, 09:00 - 10h30 và từ 14h00 - 16:00 và từ 20:00 - 06:00
23	Pasteur	Võ Thị Sáu	Trần Quốc Toản	7,5	Đỗ theo giờ, 09:00 - 10h30 và từ 14h00 - 16:00 và từ 20:00 - 06:00
QUẬN 5					
24	An Dương Vương	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Thị Nhỏ	19	
25	Nguyễn Thị Nhỏ	Trang Tử	Nguyễn Chí Thanh	14-15	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ
26	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Trãi	Trần Hưng Đạo	19,5	Đỗ xe bên phải
27	Phan Văn Trị	Lê Hồng Phong	Bùi Hữu Nghĩa	8	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ
28	Tản Đà	Hồng Bàng	Nguyễn Trãi	12	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ
29	Lê Hồng Phong	Trần Phú	Nguyễn Trãi	18	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ
30	Trần Bình Trọng	Trần Phú	Trần Hưng Đạo	8,0	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ
31	Phạm Hữu Chí	Nguyễn Kim	Lý Thường Kiệt	20	Đỗ xe một bên phía Hùng Vương Plaza
QUẬN 6					
32	Nguyễn Hữu Thận	Tháp Mười	Lê Quang Sung	10	Đỗ xe theo ngày chẵn, lẻ

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
QUẬN 10					
33	Lê Hồng Phong	3 Tháng 2	Hoàng Dư Khương	15	Đỗ xe bên phải, từ 09:00 - 15:00 và từ 20:00 - 06:00
34	Cao Thắng	3 Tháng 2	Hoàng Dư Khương	11,5	Đỗ xe bên trái, từ 09:00 - 15:00 và từ 20:00 - 06:00
35	Nguyễn Giản Thanh	Trường Sơn	Bắc Hải	12	Đỗ xe theo ngày chẵn lẻ
36	Tuyến hẻm hai bên công viên Vườn Lài (hẻm 781 Lê Hồng Phong và hẻm 16 Trần Thiện Chánh)	hẻm 781 Lê Hồng Phong và hẻm 16 Trần Thiện Chánh	Cuối hẻm	6,5	Đỗ xe một bên giáp công viên Vườn Lài
37	Hẻm 51 Thành Thái	Thành Thái	Cuối hẻm	16	Đỗ xe theo ngày chẵn lẻ
38	Tuyến hẻm xung quanh Công viên Z756 (hẻm 283 và hẻm 285 CMT8)	Đầu hẻm 283 và hẻm 285 CMT8	Cuối hẻm	10	Đỗ xe một bên giáp công viên Z756
QUẬN 11					
39	Đường số 2 Cư xá Lữ Gia	Đường số 52	Lý Thường Kiệt	12,5	Đỗ xe bên phải

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 700/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục các tuyến đường cấm đỗ xe trên địa bàn quận 1, quận 3

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện các giải pháp cấp bách bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2012;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 78/TTr-SGTVT ngày 05 tháng 02 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành danh mục các tuyến đường cấm đỗ xe trên địa bàn quận 1, quận 3. Cụ thể như sau:

- Phụ lục 1: “Danh mục các tuyến đường cấm đỗ xe theo giờ trên địa bàn quận 1, quận 3”: gồm 37 tuyến đường, trong đó quận 1 có 27 tuyến đường, quận 3 có 10 tuyến đường.

- Phụ lục 2: “Danh mục các tuyến đường cấm đỗ xe theo ngày chẵn lẻ trên địa bàn quận 1, quận 3”: gồm 30 tuyến đường, trong đó quận 1 có 26 tuyến đường, quận 3 có 04 tuyến đường.

- Phụ lục 3: “Danh mục các tuyến đường cấm đỗ xe 24/24 giờ trên địa bàn quận 1, quận 3”: gồm 111 tuyến đường, trong đó quận 1 có 82 tuyến đường, quận 3 có 29 tuyến đường.

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1, quận 3 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Công an thành phố, Ban An toàn giao thông thành phố và Ủy ban nhân dân các quận chủ động điều chỉnh cho phù hợp tình hình giao thông thực tế trên các tuyến đường, định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh Quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận 1, quận 3, các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CẤM ĐỖ XE
THEO GIỜ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, QUẬN 3

*(Đính kèm theo Quyết định số 700/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Giờ cấm
I. QUẬN 1				
1	Bà Lê Chân	Hai Bà Trưng	Trần Quang Khải	06h00 - 20h00
2	Bùi Thị Xuân	Cống Quỳnh	Cách Mạng Tháng 8	06h00 - 20h00
3	Cống Quỳnh	Nguyễn Cư Trinh	Nhà số 284	06h00 - 20h00
4	Hồ Tùng Mậu	Võ Văn Kiệt	Hải Triều	06h00 - 21h00
5	Huỳnh Thúc Kháng	Công trường Quách Thị Trang	Nguyễn Huệ	06h00 - 20h00
6	Lê Lai	Đỗ Quang Đẩu	Phạm Hồng Thái	06h00 - 22h00
7	Lê Thánh Tôn	Pasteur	Lê Anh Xuân	06h00 - 20h00 (góc Lê Anh Xuân 06h00 - 22h00)
8	Lý Tự Trọng	Nhà số 323	Trương Định	06h00 - 20h00
		Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Pasteur	06h00 - 20h00
		Nhà số 45	Hai Bà Trưng	06h00 - 20h00
9	Mạc Đĩnh Chi	Điện Biên Phủ	Nguyễn Thị Minh Khai	06h00 - 20h00
10	Mạc Thị Bưởi	Nguyễn Huệ	Đông Khởi	06h00 - 17h00
11	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Hữu Cảnh	Lê Duẩn	06h00 - 08h00, 16h00 - 18h00
12	Nguyễn Công Trứ	Yersin	Phó Đức Chính	06h00 - 09h00, 16h00 - 19h00
13	Nguyễn Du	Đặng Trần Côn	Cách Mạng Tháng 8	06h00 - 20h00

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Giờ cấm
14	Nguyễn Thành Ý	Đình Tiên Hoàng	Hẻm số 2	06h00 - 08h00, 16h00 - 18h00
15	Nguyễn Trung Ngạn	Tôn Đức Thắng	Chu Mạnh Trinh	06h00 - 20h00
16	Nguyễn Văn Thủ	Hai Bà Trưng	Mạc Đĩnh Chi	06h00 - 18h00
17	Pasteur	Hàm Nghi	Nhà số 92 Pasteur	06h00 - 20h00
18	Phạm Hồng Thái	Lê Anh Xuân	Ngã 6 phù Đổng	06h00 - 22h00
19	Phạm Ngọc Thạch	Cây xanh 31	Lê Duẩn	06h00 - 20h00
20	Thái Văn Lung	Nguyễn Siêu	Lê Thánh Tôn	06h00 - 09h00, 16h00 - 21h00
21	Tôn Thất Thiệp	Cây xanh số 2	Nhà số 20	06h00 - 20h00
22	Tôn Thất Tùng	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Thị Minh Khai	06h00 - 20h00
23	Trần Cao Vân	Mạc Đĩnh Chi	Phùng Khắc Khoan	06h00 - 18h00
24	Trần Đình Xu	Trần Hưng Đạo	Cao Bá Nhạ	08h00 - 16h00, 18h00 - 06h00
25	Trịnh Văn Cấn	Nguyễn Thái Học	Yersin	06h00 - 09h00, 16h00 - 19h00
26	Trương Định	Phạm Hồng Thái	Lý Tự Trọng	06h00 - 20h00
27	Ngô Đức Kế	Hồ Tùng Mậu	Nguyễn Huệ	06h00 - 18h00
II. QUẬN 3				
1	Kỳ Đồng	Trần Quốc Thảo	Nguyễn Thông	06h00 - 20h00
2	Lê Quý Đôn	Võ Thị Sáu	Võ Văn Tần	06h00 - 20h00
3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cây xanh số 305	Cây xanh số 299	16h00 - 17h30
	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Nhà số 151A	Nguyễn Đình Chiểu	16h00 - 21h00
4	Nguyễn Thị Minh Khai	Tôn Thất Tùng	Cách Mạng Tháng 8	16h00 - 17h30
5	Nguyễn Thiện Thuật	Nguyễn Thị Minh Khai	Điện Biên Phủ	06h00 - 9h00, 16h00 - 21h00

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Giờ cấm
6	Nguyễn Thượng Hiền	Điện Biên Phủ	Nguyễn Thị Minh Khai	06h00 - 20h00
7	Phạm Ngọc Thạch	Công trường Quốc tế	Cách Mạng Tháng 8	06h00 - 20h00
8	Sư Thiện Chiếu	Bà Huyện Thanh Quan	Nguyễn Thông	06h00 - 20h00
9	Trần Cao Vân	Hai Bà Trưng	Công trường Quốc tế	06h00 - 20h00
10	Võ Văn Tần	Công trường Quốc tế	Cách Mạng Tháng 8	06h00 - 20h00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CẤM ĐỖ XE
THEO NGÀY CHẶN, LỀ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, QUẬN 3
(Đính kèm theo Quyết định số 700/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
I. QUẬN 1				
1	Cô Giang	Nguyễn Khắc Nhu	Hồ Hảo Hớn	
2	Hồ Hảo Hớn	Trần Hưng Đạo	Võ Văn Kiệt	
3	Cô Bắc	Hồ Hảo Hớn	Nguyễn Khắc Nhu	
		Nhà số 129	Đề Thám	
4	Cống Quỳnh	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Cư Trinh	
5	Nguyễn Cảnh Chân	Trần Hưng Đạo	Võ Văn Kiệt	
6	Trần Đình Xu	Cao Bá Nhạ	Nhà số 137	
7	Cao Bá Nhạ	Trần Đình Xu	Cống Quỳnh	
8	Nguyễn Khắc Nhu	Trần Hưng Đạo	Cô Bắc	
9	Lê Công Kiều	Phó Đức Chính	Nguyễn Thái Bình	
10	Lê Thị Hồng Gấm	Phó Đức Chính	Yersin	
11	Lê Văn Hưu	Lê Duẩn	Nguyễn Du	
12	Lê Anh Xuân	Lý Tự Trọng	Lê Thánh Tôn	
13	Nguyễn Đình Chiểu	Hoàng Sa	Nguyễn Bình Khiêm	
14	Nguyễn Thành Ý	Trần Doãn Khanh	Hẻm số 2	
15	Tôn Thất Tùng	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Trãi	Cấm xe khách trên 09 chỗ
16	Nguyễn Cư Trinh	Nguyễn Trãi	Trần Đình Xu	
17	Ký Con	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Công Trứ	
18	Yersin	Võ Văn Kiệt	Phạm Ngũ Lão	
19	Nguyễn Thái Bình	Yersin	Lê Công Kiều	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
20	Đặng Dung	Trần Khắc Chân	Nguyễn Văn Nguyễn	
21	Đặng Tất	Trần Nhật Duật	Nguyễn Văn Nguyễn	
22	Lý Văn Phúc	Nguyễn Phi Khanh	Võ Thị Sáu	
23	Nguyễn Văn Nguyễn	Đặng Dung	Nhà số 5D	
24	Trần Khánh Dư	Nguyễn Văn Nguyễn	Hẻm số 53	
25	Trần Nhật Duật	Trần Quang Khải	Trần Khánh Dư	
26	Trần Quý Khoách	Nguyễn Văn Nguyễn	Trần Nhật Duật	
II. QUẬN 3				
1	Võ Văn Tàn	Cách Mạng Tháng Tám	Cao Thắng	
2	Hồ Xuân Hương	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Thông	
3	Bàn Cờ	Nguyễn Đình Chiểu	Điện Biên Phủ	
4	Nguyễn Gia Thiều	Ngô Thời Nhiệm	Nguyễn Đình Chiểu	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CẤM ĐỖ XE 24/24
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, QUẬN 3

*(Đính kèm theo Quyết định số 700/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
I. QUẬN 1				
1	Nguyễn Trãi	Ngã sáu Phù Đổng	Nguyễn Văn Cừ	cấm đậu
2	Nguyễn Thị Nghĩa	Ngã sáu Phù Đổng	Phạm Ngũ Lão	cấm đậu
3	Nguyễn Thái Học	Phạm Ngũ Lão	Cô Giang	cấm dừng đậu
4	Cô Giang	Nguyễn Thái Học	Nhà số 149	cấm đậu
		Đề Thám	Nguyễn Thái Học	cấm dừng đậu
5	Cô Bắc	Nguyễn Khắc Nhu	Nhà số 202	cấm dừng đậu
		Đề Thám	Nguyễn Thái Học	cấm đậu
6	Lương Hữu Khánh	Nguyễn Trãi	Nguyễn Thị Minh Khai	cấm đậu
7	Nguyễn Thị Minh Khai	Hai Bà Trưng	Phùng Khắc Khoan	- cấm dừng đậu - lưu thông 01 chiều từ Hai Bà Trưng đến Phùng Khắc Khoan
		Phùng Khắc Khoan	Hoàng Sa	cấm đậu
8	Tôn Đức Thắng	Lê Duẩn	Nguyễn Trung Ngạn	- cấm dừng đậu - cấm đậu trên làn xe hỗn hợp theo hướng từ Nguyễn Trung Ngạn đến Lê Duẩn
		Nguyễn Trung Ngạn	Đồng Khởi	cấm dừng đậu
		Đồng Khởi	Hàm Nghi	cấm đậu
9	Nguyễn Cảnh Chân	Võ Văn Kiệt	Nguyễn Trãi	cấm đậu

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
10	Trần Đình Xu	Võ Văn Kiệt	Trần Hưng Đạo	cấm đậu
		Trần Hưng Đạo	Cao Bá Nhạ	cấm dừng đậu
11	Nguyễn An Ninh	Trương Định	Phan Chu Trinh	cấm dừng đậu
12	Nguyễn Khắc Nhu	Cô Bắc	Cô Giang	cấm đậu
13	Lê Thị Hồng Gấm	Yersin	Nguyễn Thái Học	cấm đậu
14	Phan Văn Trường	Nguyễn Thái Học	Yersin	cấm đậu theo hướng từ Nguyễn Thái Học đến Yersin
15	Nguyễn Văn Bình	Hai Bà Trưng	Công xã Paris	cấm đậu
16	Hải Triều	Nguyễn Huệ	Hồ Tùng Mậu	- cấm dừng đậu - được phép dừng không quá 05 phút
17	Phan Văn Đạt	Công trường Mê Linh	Mạc Thị Bưởi	cấm đậu
18	Công trường Mê Linh	Phan Văn Đạt	Hồ Huân Nghiệp	cấm đậu
		Hồ Huân Nghiệp	Ngô Đức Kế	cấm dừng đậu
		Thi Sách	Hai Bà Trưng	cấm dừng đậu
		Hai Bà Trưng	Phan Văn Đạt	cấm dừng đậu
19	Nguyễn Thiệp	Nguyễn Huệ	Đồng Khởi	cấm đậu
20	Đông Du	Đồng Khởi	Thi Sách	cấm dừng đậu
21	Đặng Thị Nhu	Calmette	Ký Con	cấm đậu một bên
22	Nguyễn Siêu	Hai Bà Trưng	Thái Văn Lung	cấm đậu
23	Hàn Thuyên	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Công xã Paris	cấm đậu
24	Nguyễn Văn Chiêm	Phạm Ngọc Thạch	Hai Bà Trưng	cấm đậu
25	Đinh Tiên Hoàng	Lê Duẩn	Điện Biên Phủ	cấm đậu
		Điện Biên Phủ	Nguyễn Văn Giai	cấm dừng đậu
		Nguyễn Văn Giai	Trần Quang Khải	cấm đậu
26	Phan Kế Bính	Nguyễn Đình Chiểu	Điện Biên Phủ	cấm đậu

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
27	Đỗ Quang Đầu	Lê Lai	Phạm Ngũ Lão	cấm dừng đậu
28	Chu Mạnh Trinh	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Du	cấm dừng đậu
		Nguyễn Du	Lê Thánh Tôn	cấm đậu
29	Lê Thị Riêng	Ngã sáu Phù Đổng	Bùi Thị Xuân	cấm đậu
30	Ngô Văn Năm	Lê Thánh Tôn	Tôn Đức Thắng	cấm đậu
31	Nguyễn Văn Tráng	Lê Thị Riêng	Lê Lai	cấm đậu
32	Phạm Hồng Thái	Ngã sáu Phù Đổng	Lê Thánh Tôn	cấm đậu (xe khách trên 16 chỗ)
33	Đặng Trần Côn	Lý Tự Trọng	Nguyễn Du	cấm đậu
34	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng	Cách Mạng Tháng Tám	cấm đậu
35	Phùng Khắc Khoan	Nguyễn Thị Minh Khai	Điện Biên Phủ	cấm đậu
36	Calmette	Nguyễn Công Trứ	Trần Hưng Đạo	cấm đậu
37	Pasteur	Võ Văn Kiệt	Hàm Nghi	cấm đậu
		Lê Thánh Tôn	Nguyễn Du	cấm dừng đậu
		Nguyễn Du	Nguyễn Thị Minh Khai	cấm đậu
38	Thái Văn Lung	Lê Thánh Tôn	Lý Tự Trọng	cấm đậu
39	Nguyễn Hữu Cảnh	Cầu Thị Nghè 2	Nguyễn Bình Khiêm	cấm đậu
		Nguyễn Bình Khiêm	Tôn Đức Thắng	cấm dừng đậu
40	Trương Định	Phạm Hồng Thái	Nguyễn Du	cấm đậu
		Nguyễn Du	Nguyễn Thị Minh Khai	cấm dừng đậu
41	Phạm Viêt Chánh	Ngã sáu Cộng Hòa	Cống Quỳnh	cấm đậu
42	Lê Thánh Tôn	Tôn Đức Thắng	Đồng Khởi	cấm đậu
		Đồng Khởi	Pasteur	cấm dừng đậu
		Pasteur	Phạm Hồng Thái	cấm đậu
43	Võ Văn Kiệt	Phó Đức Chính	Nguyễn Văn Cừ	cấm đậu

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
44	Điện Biên Phủ	Hai Bà Trưng	Mạc Đĩnh Chi	cấm dừng đậu
		Mạc Đĩnh Chi	Nguyễn Bình Khiêm	cấm đậu
45	Võ Thị Sáu	Đình Tiên Hoàng	Hai Bà Trưng	cấm đậu
46	Đồng Khởi	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng	cấm đậu
47	Mạc Đĩnh Chi	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Du	cấm đậu
48	Công xã Paris	Lê Duẩn	Nguyễn Du	cấm dừng đậu
49	Alexandre De Rhodes	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phạm Ngọc Thạch	cấm đậu
50	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tôn	Lê Lợi	cấm đậu
		Lê Lợi	Lê Thánh Tôn	cấm dừng đậu
51	Phan Bội Châu	Lê Thánh Tôn	Lê Lợi	cấm dừng đậu
		Lê Lợi	Lê Thánh Tôn	cấm đậu
52	Lê Lai	Nguyễn Trãi	Đỗ Quang Đẩu	cấm đậu
		Phạm Hồng Thái	Vòng xoay Quách Thị Trang	cấm đậu
53	Tôn Thất Tùng	Lê Lai	Nguyễn Trãi	cấm đậu
54	Sương Nguyệt Anh	Cách Mạng Tháng Tám	Tôn Thất Tùng	cấm đậu
55	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã sáu Phù Đổng	cấm đậu
56	Bùi Viện	Trần Hưng Đạo	Cống Quỳnh	cấm dừng đậu (được phép dừng từ 9:00-16:00, 19:00-6:00)
57	Hàm Nghi	Phó Đức Chính	Tôn Đức Thắng	cấm đậu
58	Trần Hưng Đạo	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Văn Cừ	cấm đậu
59	Nguyễn Huệ	Tôn Đức Thắng	Lê Lợi	cấm đậu
		Lê Lợi	Lê Thánh Tôn	cấm dừng đậu
60	Lê Duẩn	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hai Bà Trưng	cấm đậu
		Hai Bà Trưng	Nguyễn Bình Khiêm	cấm dừng đậu

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
61	Lê Lợi	Đồng Khởi	Vòng xoay Quách Thị Trang	cấm đậu
62	Ký Con	Trần Hưng Đạo	Lê Thị Hồng Gấm	cấm dừng đậu
		Nguyễn Công Trứ	Võ Văn Kiệt	cấm đậu
63	Nguyễn Thái Bình	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Lê Công Kiều	cấm đậu
64	Phó Đức Chính	Hàm Nghi	Võ Văn Kiệt	cấm đậu
65	Lý Tự Trọng	Trương Định	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	cấm đậu
		Pasteur	Nhà số 45	cấm dừng đậu
		Hai Bà Trưng	Tôn Đức Thắng	cấm đậu
66	Tôn Thất Đạm	Tôn Thất Thiệp	Võ Văn Kiệt	cấm đậu
67	Nguyễn Trung Trực	Lê Lợi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	cấm đậu
68	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Văn Kiệt	cấm dừng đậu
69	Hai Bà Trưng	Công trường Mê Linh	Lê Duẩn	cấm đậu
		Lê Duẩn	Nguyễn Văn Chiêm	cấm dừng đậu
		Nguyễn Văn Chiêm	Điện Biên Phủ	cấm đậu
		Điện Biên Phủ	Võ Thị Sáu	cấm dừng đậu
		Võ Thị Sáu	Cầu Kiệu	cấm đậu
70	Đề Thám	Phạm Ngũ Lão	Võ Văn Kiệt	cấm đậu
71	Phạm Ngũ Lão	Trần Hưng Đạo	Hàm Nghi	cấm đậu
		Nguyễn Thị Nghĩa	Đỗ Quang Đẩu	cấm dừng đậu (được phép dừng từ 9:00-16:00, 18:00-6:00)
		Đỗ Quang Đẩu	Công Quỳnh	cấm đậu
72	Nguyễn Bình Khiêm	Điện Biên Phủ	Lê Duẩn	cấm đậu
		Lê Duẩn	Nguyễn Hữu Cảnh	cấm đậu

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
73	Đình Công Tráng	Hai Bà Trưng	Thạch Thị Thanh	cấm đậu
74	Huỳnh Khương Ninh	Đình Tiên Hoàng	Phan Liêm	cấm dừng đậu
75	Mai Thị Lựu	Nguyễn Văn Giai	Điện Biên Phủ	cấm đậu
		Điện Biên Phủ	Nguyễn Đình Chiểu	cấm đậu
76	Nguyễn Hữu Cầu	Trần Quang Khải	Hai Bà Trưng	cấm đậu
77	Nguyễn Huy Tụ	Nguyễn Văn Giai	Đình Tiên Hoàng	Cấm dừng đậu
		Đình Tiên Hoàng	Nguyễn Văn Giai	Cấm đậu
78	Nguyễn Phi Khanh	Đình Tiên Hoàng	Trần Quang Khải	Cấm đậu
79	Thạch Thị Thanh	Võ Thị Sáu	Nguyễn Hữu Cầu	Cấm đậu
80	Trần Quang Khải	Hai Bà Trưng	Đình Tiên Hoàng	Cấm đậu
81	Võ Thị Sáu	Đình Tiên Hoàng	Hai Bà Trưng	Cấm đậu
82	Hồ Tùng Mậu	Hàm Nghi	Tôn Thất Thiệp	Cấm đậu

II. QUẬN 3

1	Trương Định	Nguyễn Thị Minh Khai	Tú Xương	cấm đậu
		Cây xanh số 150	Rạch Bùng Binh	cấm dừng đậu
2	Bà Huyện Thanh Quan	Rạch Bùng Binh	Nguyễn Thị Minh Khai	cấm đậu
3	Nguyễn Đình Chiểu	Nhà số 124	Cây xanh số 166	cấm dừng đậu
		Cây xanh số 194	Cách Mạng Tháng Tám	cấm đậu
		Cách Mạng Tháng Tám	Nhà số 364	cấm dừng đậu
		Số nhà 364	Lý Thái Tổ	cấm đậu
4	Điện Biên Phủ	Vòng xoay Lý Thái Tổ	Cây xanh số 65	cấm đậu
		Cây xanh số 65	Hai Bà Trưng	cấm dừng đậu
5	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Thị Minh Khai	Công trường Dân Chủ	cấm đậu
6	Lý Chính Thắng	Công trường Dân Chủ	Hai Bà Trưng	cấm đậu

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
7	Hoàng Sa	Ranh quận Tân Bình	Hai Bà Trưng	cấm đậu
8	Nguyễn Thị Minh Khai	Vòng xoay Lý Thái Tổ	Cây xanh 204	cấm đậu
		Cách Mạng Tháng Tám	Hai Bà Trưng	cấm đậu
9	Trường Sa	Hai Bà Trưng	Cầu đường sắt	cấm đậu
10	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Công Lý	Cây xanh 305	cấm đậu
		Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Thị Minh Khai	cấm đậu
11	Võ Thị Sáu	Hai Bà Trưng	Nhà số 158B	cấm đậu
		Nhà số 158B	Công trường Dân Chủ	cấm dừng đậu
12	Lê Văn Sỹ	Ranh Phú Nhuận	Trường Sa	cấm đậu
13	Trần Quốc Thảo	Trường Sa	Nhà số 161-163	cấm dừng đậu
		Nhà số 161-163	Tú Xương	cấm đậu
		Tú Xương	Võ Văn Tần	cấm dừng đậu
14	Nguyễn Thông	Hồ Xuân Hương	Trần Văn Đàng	cấm đậu
15	Hồ Xuân Hương	Bà Huyện Thanh Quan	Trương Định	cấm đậu
16	Nguyễn Phúc Nguyên	Trần Văn Đàng	Công trường Dân Chủ	cấm đậu
17	Rạch Bùng Binh	Cách Mạng Tháng Tám	Hoàng Sa	cấm đậu
18	Kỳ Đồng	Trương Định	Bà Huyện Thanh Quan	cấm đậu
19	Huỳnh Tịnh Của	Trần Quốc Toản	Lý Chính Thắng	cấm đậu
20	Nguyễn Sơn Hà	Cao Thắng	cuối đường	cấm đậu
21	Nguyễn Thị Diệu	Trương Định	Cách Mạng Tháng Tám	cấm đậu
22	Nguyễn Văn Mai	Hai Bà Trưng	Huỳnh Tịnh Của	cấm đậu
23	Vườn Chuối	Nguyễn Đình Chiểu	Điện Biên Phủ	cấm đậu

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
24	Trương Quyền	Điện Biên Phủ	Võ Thị Sáu	cấm đậu
25	Ngô Thời Nhiệm	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cách Mạng Tháng Tám	cấm đậu
26	Đường số 1 Cư xá Đô Thành	Nguyễn Hiền	cuối đường	cấm đậu
27	Đường số 2 Cư xá Đô Thành	Nguyễn Hiền	cuối đường	cấm đậu
28	Đường số 3 Cư xá Đô Thành	Nguyễn Hiền	cuối đường	cấm đậu
29	Đường số 3 Cư xá Đô Thành	Nguyễn Hiền	cuối đường	cấm đậu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 206/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 30 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 01/TTr-TP ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Trưởng Phòng Tư pháp quận 4,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 03 Chỉ thị do Ủy ban nhân dân quận 4 ban hành từ năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 hiện đã hết hiệu lực thi hành (*đính kèm danh mục văn bản*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn

vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiên Đạt

DANH MỤC VĂN BẢN DO ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4 BAN HÀNH
HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH TÍNH ĐẾN 31/12/2012

(Ban hành kèm theo Quyết định số 206/QĐ-UBND của UBND quận 4 về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành)

Stt	Số hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
1.	08/2011/CT-UBND-M	30/12/2011	Chỉ thị về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và động viên quân đội năm 2012	06/01/2012	31/12/2012	Do thời hiệu có hiệu lực được quy định trong văn bản
2.	09/2011/CT-UBND-M	30/12/2011	Chỉ thị về tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự - Quốc phòng năm 2012	06/01/2012	31/12/2012	Do thời hiệu có hiệu lực được quy định trong văn bản
3.	01/2012/CT-UBND	11/6/2012	Chỉ thị về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn quận 4 năm 2012	18/6/2012	31/12/2012	Do thời hiệu có hiệu lực được quy định trong văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/QĐ-UBND

*Nhà Bè, ngày 31 tháng 01 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH**
Về công bố văn bản hết hiệu lực**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Công văn số 24/PTP ngày 29 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 04 văn bản của Ủy ban nhân dân huyện ban hành (theo Danh mục đính kèm) hết hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các phòng - ban huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 07 xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thị Thu**

DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH*(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-UBND**ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

Số TT	Tên loại, số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
01	Quyết định số 248/2006/QĐ-UBND	17/5/2006	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa huyện Nhà Bè	31/10/2012	Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa huyện Nhà Bè thay thế.
02	Quyết định số 130/2007/QĐ-UBND	30/3/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế huyện Nhà Bè	16/4/2009	Quyết định số 137/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế huyện Nhà Bè.
03	Quyết định số 132/2007/QĐ-UBND	30/3/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Nhà Bè	16/4/2009	Quyết định số 138/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Nhà Bè thay thế.

Số TT	Tên loại, số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
04	Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND	30/3/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện Nhà Bè	22/7/2009	Quyết định số 387/2009/QĐ-UBND ngày 15/7/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nhà Bè thay thế.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng